TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2019/DS-ST
Ngày: 29 – 10 – 2019
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Liệt

Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2019 về việc *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2019/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn S, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 244, ấp B, xã TT, huyện TB, tỉnh ĐT.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp 3, xã PL, huyện TB, tỉnh ĐT.

Anh Phạm Văn S có mặt tại phiên tòa, ông Trần Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Phạm Văn S trình bày:

Vào ngày 03/4/2014 (Âm lịch) ông Trần Văn T có vay của anh Phạm Văn S số tiền 50.000.000 đồng, mục đích để tu sửa đê bao tổ hợp tác số 05, với lãi suất 3%/tháng, không xác định thời hạn trả.

Đến ngày 03/4/2015 (Âm lịch) là ngày 20/5/2015 (Dương lịch), ông T có trả tiền lãi cho anh S 02 lần với số tiền 15.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi anh S

không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Anh S đã nhiều lần yêu cầu ông T trả số tiền vay nhưng đến nay ông T không trả.

Nay anh Phạm Văn S yêu cầu ông Trần Văn T trả cho anh S số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi cụ thể:

Từ ngày 21/5/2015 đến ngày 31/12/2016 là 19 tháng 11 ngày, lãi suất 0,75%/tháng, thành tiền là 7.262.500 đồng.

Từ ngày 01/01/2017 đến 29/10/2019 là 33 tháng 29 ngày, lãi suất là 1.66%/tháng, thành tiền 27.362.000 đồng.

Tổng cộng vốn và lãi là 84.624.500 đồng (Tám mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

- *Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn T trình bày:* Ông T không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Biên nhận ngày 03/4/2014 âm lịch (Bản chính, viết tay trên giấy kẻ ngang gồm 01 trang, do Trần Văn T ký tên).

- Đơn xác nhận nơi cư trú của người bị kiện (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn S và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là *"V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trần Văn T cư trú tại ấp 3, xã PL, huyện TB, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trần Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng vay tài sản (Theo Biên nhận ngày 03/4/2014) giữa anh Phạm Văn S và ông Trần Văn T.

Xét thấy, sau khi đạt được sự thỏa thuận về số tiền vay, lãi suất, thời hạn trả thì ông T ký tên vào Biên nhận ngày 03/4/2014. Tại thời điểm thỏa thuận và ký tên vào Biên nhận thì anh S và ông T đều có khả năng bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện các quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định. Do đó, khi thực hiện giao dịch vay tài sản thì anh S và ông T đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc giao kết hợp đồng được thực hiện trên cở sở tự nguyện

của các bên, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội nên nên giao dịch vay tài sản giữa anh S và ông T có hiệu lực pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 122, Điều 471 của Bộ luật dân sự 2005.

[2.2] Xét yêu cầu của anh Phạm Văn S về việc yêu cầu ông Trần Văn T trả cho anh S số tiền vốn và lãi là 84.624.500 đồng (Tám mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

Trong quá trình thực hiện giao dịch vay tài sản, anh S xác định đã giao cho ông T đầy đủ khoản tiền vay theo thỏa thuận. Từ khi vay đến nay ông T chưa trả cho anh S bất kỳ khoản tiền vốn nào. Như vậy, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng vay đã ký kết. Do đó, anh S yêu cầu ông T trả cho anh S số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015.

Về lãi suất: Anh S yêu cầu tính lãi đối với số tiền vốn 50.000.000 đồng, cụ thể:

Từ ngày 21/5/2015 đến ngày 31/12/2016 là 19 tháng 11 ngày, lãi suất 0,75%/tháng, thành tiền là 7.262.500 đồng.

Từ ngày 01/01/2017 đến 29/10/2019 là 33 tháng 29 ngày, lãi suất là 1.66%/tháng, thành tiền 27.362.000 đồng.

Xét thấy, việc yêu cầu tính lãi của anh S phù hợp theo quy định tại Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 1 Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với khoản vay nêu trên, ông T đã trả cho anh S số tiền lãi là 15.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi đã nhận, anh S không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, ông T không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án yêu cầu xem xét đối với khoản tiền lãi đã trả cho anh S. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng cho ông T nhưng đến nay ông T không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án. Do đó, ông T phải tự chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình và phải chịu trách nhiệm đối với các khoản vay theo lời trình bày anh S.

Từ những phân T trên, anh Phạm Văn S yêu cầu ông Trần Văn T trả cho anh Sơn số tiền vốn và lãi là 84.624.500 đồng (Tám mươi bốn triệu, sáu trăm hai mươi bốn nghìn, năm trăm đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn S nên ông Trần Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 122, Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn S.

Buộc ông Trần Văn T trả cho anh Phạm Văn S số tiền vốn và lãi là 84.624.500 đồng (Tám mươi bốn triệu, sáu trăm hai mươi bốn nghìn, năm trăm đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

Ông Trần Văn T phải chịu số tiền 4.231.000 đồng (Bốn triệu hai trăm ba mươi mốt nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả cho anh Phạm Văn S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.050.000 đồng (Bằng chữ: Ba triệu, không trăm, năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BH/2017/0009300 ngày 22/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục THA DS huyện Thanh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Võ Văn Hồng Biên